

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày 29/6/2021

V/v tranh chấp vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Nguyên Kim.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hồng Vinh

2. Ông Lê Chánh Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ry – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận; Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐHPT ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1950; địa chỉ thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

Bị đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: NLQ, sinh năm 1945; địa chỉ thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Ngô Thị L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Do quen biết, bà Võ Thị L là cháu ruột của NLQ - Là chồng bà Ngô Thị L và cũng là người cùng thôn nên vào ngày 10 tháng 01 năm 2020 Âm lịch (Tức là ngày 03 tháng 02 năm 2020) bà Võ Thị L vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)

của bà Ngô Thị L, NLQ, hai bên thỏa thuận lãi suất 0,7%/tháng. Thời hạn vay là 5 tháng.

Nhưng đến thời hạn trả nợ mà bà Võ Thị L không trả tiền như thỏa thuận, đến nay đã quá hạn cũng không trả nợ. Bà Ngô Thị L đã đòi tiền nhiều lần bà Võ Thị L không trả tiền gốc và lãi.

Nay bà Ngô Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết: Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Ngô Thị L và NLQ số tiền đã vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) gốc và tiền lãi suất 0,7%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử bà tính tròn là 16 tháng x 0,7% x 40.000.000 đồng số tiền lãi suất là 4.480.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Tổng buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Ngô Thị L và NLQ số tiền nợ gốc và lãi là: 44.480.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Bị đơn trình bày: *Tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình giải quyết vụ án và các phiên hòa giải bà Võ Thị L đều vắng mặt.*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

NLQ đồng ý với ý kiến của bà Ngô Thị L. NLQ yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Ngô Thị L và NLQ số tiền nợ gốc và lãi là: 44.480.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Ngô Thị L và NLQ số tiền nợ gốc và lãi là: 44.480.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Võ Thị L có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại các Điều 26, 35, 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Bà Võ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhận thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng

vắng mặt; căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị L là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu trả tiền gốc:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Ngô Thị L yêu cầu bà Võ Thị L phải trả cho bà Ngô Thị L, NLQ số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) gốc theo giấy Giấy mượn tiền ghi ngày 10 tháng 01 năm 2020 Âm lịch- (Tức là ngày 03 tháng 02 năm 2020).

Giấy mượn tiền ghi ngày 10 tháng 01 năm 2020 Âm lịch- (Tức là ngày 03 tháng 02 năm 2020) do bà Võ Thị L viết thể hiện bà Võ Thị L vay số tiền của bà Ngô Thị L là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), thời gian vay 5 tháng có chữ ký của bà Võ Thị L.

Tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn thể hiện bà Võ Thị L hiện sống độc thân, cá nhân bà Võ Thị L đã vay mượn tiền. Bà Ngô Thị L và NLQ là vợ chồng hiện đang chung sống, nên tài sản là tài sản chung của vợ chồng bà Ngô Thị L và NLQ.

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, bà Võ Thị L đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng không có ý kiến. Vì vậy, bà Võ Thị L đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình và chấp nhận ý kiến của nguyên đơn.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét thấy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị L. Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Ngô Thị L, NLQ số tiền gốc là: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi: Bà Ngô Thị L yêu cầu bà Võ Thị L trả cho bà số tiền lãi theo giấy mượn tiền ghi ngày 10 tháng 01 năm 2020 Âm lịch - (Tức là ngày 03 tháng 02 năm 2020) cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay là ngày 29/6/2021 bà Ngô Thị L yêu cầu tính tròn là 16 tháng với số tiền lãi được tính là: $40.000.000 \text{ đồng} \times 0,7\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} = 4.480.000 \text{ đồng}$ (Bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) cho bà Ngô Thị L là có căn cứ, bởi lẽ:

Theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 thì lãi suất cho vay không được quá 20%/năm của khoản tiền vay. Việc bà Ngô Thị L yêu cầu lãi suất cho vay là 0,7%/tháng phù hợp giấy mượn tiền ghi ngày 10 tháng 01 năm 2020 Âm lịch - (Tức là ngày 03 tháng 02 năm 2020), số tiền lãi yêu cầu từ thời điểm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Ngô Thị L số tiền lãi tính từ ngày 03/2/2020 cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay là ngày 29/6/2021 làm tròn là 16 tháng là phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ nhận định trên, căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Ngô Thị L là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của Bà Ngô Thị L. Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Ngô Thị L số tiền lãi là 4.480.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 266, Điều 269, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 274; 75; 276; 280 ; 357; 463; 464; 466; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu trả tiền: Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị L. Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Ngô Thị L, NLQ số tiền 44.480.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); tiền lãi là 4.480.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền ghi trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu số tiền 2.224.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/6/2021).

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

-Như điều 269 BLTTDS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Nguyên Kim